

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*
Số 869 -TB/HVCTQG

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2021

THÔNG BÁO
Điểm xét tuyển nghiên cứu sinh năm 2021

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh thông báo điểm xét tuyển nghiên cứu sinh năm 2021 như sau:

TT	Họ	tên	Ngày,tháng, năm sinh	Ngành	Điểm xét tuyển
1	Bùi Tuấn	Quang	24/9/1963	Chính trị học	75.00
2	Nguyễn Hưng	Vượng	01/8/1976	Chính trị học	72.00
3	Nguyễn Thế	Vinh	19/01/1986	Chính trị học	70.00
4	Kiều Thị	Yên	03/12/1989	Chính trị học	69.00
5	Nguyễn Thị	Thành	25/02/1985	Chính trị học	68.00
6	Cao Phan	Giang	26/01/1984	Chính trị học	67.00
7	Nguyễn Hải Hoàng	Đức	22/6/1991	Chính trị học	63.00
8	Trần Thị	Thảo	29/11/1985	Chính trị học	61.00
9	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	16/01/1987	Chính trị học	60.00
10	Trương Diệu Hải	An	16/02/1985	Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử	84.20
11	Bùi Đức	Dũng	21/12/1980	Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử	76.50
12	Nguyễn Thị	Nga	10/8/1989	Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử	75.00
13	Trịnh Thị Kim	Thoa	12/4/1986	Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử	75.00

TT	Họ	tên	Ngày,tháng, năm sinh	Ngành	Điểm xét tuyển
14	Nguyễn Văn	Tuân	02/12/1982	Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử	73.00
15	Lê Trọng	Hưng	09/7/1979	Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử	70.00
16	Lưu Thị Thu	Hiền	14/12/1984	Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử	68.00
17	Nguyễn Đình	Huân	27/7/1982	Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử	66.00
18	Dương Thị Kim	Toan	22/11/1985	Chủ nghĩa xã hội khoa học	88.00
19	Nguyễn Văn	Điều	10/01/1986	Chủ nghĩa xã hội khoa học	87.00
20	Phạm Văn	Hòa	20/01/1987	Hồ Chí Minh học	88.00
21	Ngô Thanh	Danh	27/7/1984	Hồ Chí Minh học	86.30
22	Lê Thị Ngọc	Hoa	08/10/1988	Hồ Chí Minh học	86.00
23	Nguyễn Huy	Đại	22/10/1981	Hồ Chí Minh học	85.70
24	Nguyễn Thị	Minh	02/9/1982	Hồ Chí Minh học	80.00
25	Tạ Văn	Sang	20/9/1985	Hồ Chí Minh học	79.50
26	Đinh Thị	Hiền	04/12/1986	Hồ Chí Minh học	77.50
27	Nguyễn Ngọc	Cần	26/6/1985	Hồ Chí Minh học	75.50
28	Đinh Văn	Dũng	17/5/1981	Hồ Chí Minh học	69.00
29	Nguyễn Thị	Xuyên	02/4/1981	Hồ Chí Minh học	68.50
30	Bùi Văn	Như	27/4/1985	Hồ Chí Minh học	65.50
31	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	12/6/1983	Kinh tế chính trị	74.10
32	Nguyễn Lệ	Hương	14/12/1988	Kinh tế chính trị	73.35
33	Trương Thị Thanh	Thùy	01/8/1983	Kinh tế chính trị	71.90

TT	Họ	tên	Ngày,tháng, năm sinh	Ngành	Điểm xét tuyển
34	Nguyễn Như	Quảng	29/6/1989	Kinh tế chính trị	71.60
35	Nguyễn Danh	Hùng	26/01/1968	Kinh tế chính trị	71.20
36	Nguyễn Thị	Xuân	15/09/1994	Kinh tế chính trị	69.30
37	Đỗ Văn	Đại	09/04/1981	Kinh tế chính trị	68.00
38	Nguyễn Xuân	Phương	11/10/1978	Kinh tế chính trị	67.40
39	Nguyễn Việt	Hòa	11/8/1986	Kinh tế chính trị	66.00
40	Phạm Thị Thùy	Linh	03/11/1984	Kinh tế chính trị	65.80
41	Nguyễn Thanh	Tú	21/11/1995	Kinh tế chính trị	63.60
42	Nguyễn Thị Huyền	Trang	01/11/1990	Kinh tế phát triển	66.00
43	Phạm Văn	Bền	01/10/1983	Kinh tế phát triển	65.00
44	Trương Thị	Nhụy	16/8/1977	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	76.50
45	Đinh Thị	Chinh	22/6/1980	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	76.00
46	Nguyễn Thị	Minh	09/12/1989	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	75.00
47	Đoàn Thị Mỹ	Duyên	30/4/1984	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	75.00
48	Nguyễn Bích	Ngọc	09/9/1979	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	74.00
49	Trần Thị	Thạnh	10/7/1990	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	74.00
50	Đào Xuân	Kỳ	24/8/1982	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	72.00
51	Thân Thị Thu	Ngân	10/9/1985	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	72.00
52	Lê Thu	Hà	02/01/1978	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	82.00
53	Ngô Duy	Thi	20/12/1980	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	79.00
54	Bùi Thị Phương	Liên	05/9/1976	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	78.00

TT	Họ	tên	Ngày,tháng, năm sinh	Ngành	Điểm xét tuyển
55	Âu Thị Tâm	Minh	08/5/1991	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	78.00
56	Vũ Ngọc	Đăng	17/4/1984	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	75.00
57	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	17/11/1983	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	75.00
58	Trần Anh	Tuấn	17/4/1986	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	73.00
59	Dương Văn	Chăm	10/11/1974	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	72.00
60	Nguyễn Thùy	Dương	01/7/1983	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	72.00
61	Lê Văn	Thắng	04/01/1978	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	72.00
62	Nguyễn Quỳnh	Trang	17/12/1991	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	71.00
63	Đặng Bá	Vinh	15/9/1991	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	71.00
64	Dương Thế	Tùng	08/10/1988	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	70.00
65	Lô Thị Thu	Hường	13/01/1978	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	69.00
66	Đoàn Trúc	Phương	21/08/1997	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	60.00
67	Đặng Thị	Loan	06/5/1976	Pháp luật về Quyền con người	74.00
68	Mai Quang	Thắng	06/02/1984	Pháp luật về Quyền con người	73.00
69	Nguyễn Hải	Cường	11/8/1978	Pháp luật về Quyền con người	71.00
70	Trương Chánh	Đức	28/10/1980	Pháp luật về Quyền con người	70.50
71	Dương Thanh	Tuấn	30/4/1975	Pháp luật về Quyền con người	70.00
72	Nguyễn Quang	Hòa	18/4/1973	Pháp luật về Quyền con người	68.00
73	Nguyễn Trọng	Trường	30/6/1975	Pháp luật về Quyền con người	68.00
74	Nguyễn Linh	Kha	10/9/1973	Pháp luật về Quyền con người	66.00

TT	Họ	tên	Ngày,tháng, năm sinh	Ngành	Điểm xét tuyển
75	Nguyễn Hữu	Lý	17/4/1979	Pháp luật về Quyền con người	63.00
76	Đỗ Thị Thúy	Hằng	18/10/1982	Quản lý kinh tế	75.20
77	Nguyễn Văn	Tuấn	08/4/1974	Quản lý kinh tế	74.80
78	Nguyễn Quang	Hưng	30/9/1976	Quản lý kinh tế	74.60
79	Nguyễn Chí	Chung	24/4/1982	Quản lý kinh tế	74.00
80	Phạm Đại	Dương	06/02/1974	Quản lý kinh tế	72.60
81	Trương Văn	Tuấn	05/5/1986	Quản lý kinh tế	72.00
82	Nghiêm Xuân	Đa	29/5/1966	Quản lý kinh tế	70.40
83	Nguyễn Văn	Dũng	04/6/1976	Quản lý kinh tế	69.40
84	Vũ Lê Tùng	Giang	09/2/1986	Quản lý kinh tế	69.40
85	Hoàng Thị Thúy	Lan	06/5/1966	Quản lý kinh tế	69.40
86	Nguyễn Chung	Hà	20/12/1980	Quản lý kinh tế	69.20
87	Nguyễn Văn	Đông	02/3/1982	Quản lý kinh tế	69.00
88	Doãn Khánh	Tài	27/02/1984	Quản lý kinh tế	69.00
89	Trương Thanh	Xuân	20/11/1983	Quản lý kinh tế	66.80
90	Phạm Thanh	Mai	22/12/1981	Quản lý kinh tế	66.60
91	Phan Anh	Tuấn	11/3/1977	Quản lý kinh tế	64.00
92	Phạm Quang	Chính	09/10/1989	Quản lý kinh tế	62.80
93	Nguyễn Lê	Hưng	12/01/1996	Quản lý kinh tế	59.60
94	Bùi Gia	Huân	14/5/1981	Quản lý kinh tế	59.40

TT	Họ	tên	Ngày,tháng, năm sinh	Ngành	Điểm xét tuyển
95	Hà Thái	Son	09/12/1994	Quản lý kinh tế	59.20
96	Trần Tiến	Dũng	07/9/1994	Quản lý kinh tế	59.20
97	Nguyễn Chí	Long	08/5/1981	Quản lý kinh tế	53.60
98	Nguyễn Bá	Thanh	12/7/1982	Văn hóa học	70.00
99	Phạm Thị Mỹ	Hoa	18/3/1978	Văn hóa học	67.00
100	Phan Hoàng Ngọc	Anh	15/8/1984	Xã hội học	68.20
101	Lê Thị Thùy	Linh	11/10/1987	Xã hội học	62.00
102	Đào Thị Vi	Phương	06/02/1976	Xã hội học	59.40
103	Đào Anh	Tuấn	11/12/1987	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	83.50
104	Lê Hoàng	Trang	05/9/1986	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	82.00
105	Trần Đăng	Dũng	20/5/1979	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	80.00
106	Trần	Nhật	26/10/1978	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	78.00
107	Nguyễn Thị	Thơ	31/12/1990	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	77.00
108	Trịnh Thị	Phượng	30/10/1991	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	73.00
109	Đàm Cao	Thượng	25/12/1981	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	73.00
110	Phạm Thị Thu	Hằng	01/9/1987	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	72.50
111	Nguyễn Thị	Mai	08/7/1976	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	72.50
112	La Đình	Hùng	29/4/1990	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	72.00

W2

TT	Họ	tên	Ngày,tháng, năm sinh	Ngành	Điểm xét tuyển
113	Nghiêm Xuân	Hùng	24/9/1984	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	67.00
114	Lê Thị Kim	Liên	05/8/1990	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	60.00
115	Nguyễn Xuân	Diệp	19/01/1983	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	57.00

(Danh sách gồm 115 người)

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc Học viện;
- Viện chuyên ngành;
- Ứng viên NCS;
- Công TTĐT HV;
- Lưu VT,QLĐT

**K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hoàng Phúc Lâm